



Họ và tên:



Chính tả

Câu 1. Tìm các từ

a) Chứa tiếng bắt đầu bằng **l** hay **n** có nghĩa như sau:

Cùng nghĩa với hiền:	
Không chìm dưới nước:	
Vật dùng để gặt lúa, cắt cỏ:	

b) Chứa tiếng có vần **an** hay **ang** có nghĩa như sau:



Trái nghĩa với dộc:	
Nắng lâu, không mưa, làm đất nứt nẻ vì thiếu nước:	
Vật có dây hoặc bàn phím để chơi nhạc:	

Câu 2. Điền vào chỗ trống:

xấu

sấu

Cây

Chữ

sẻ

xẻ

Chim

..... gỗ

cãng

căn

..... dẫn

Kiều

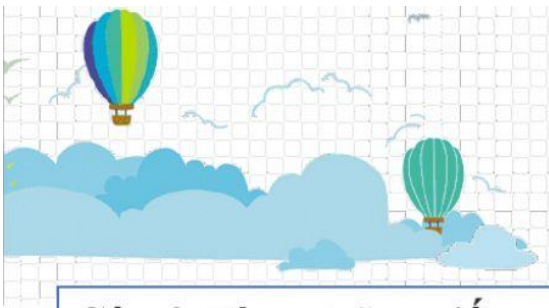
nhần

nhằng

Nhọc

Lẳng





Câu 3. Tìm những tiếng có thể ghép với mỗi tiếng sau:

a) **xét:**

.....
.....

sét:

.....
.....

b) **xinh:**

.....
.....

sinh:

.....
.....

c) **gắt:**

.....
.....

gắng:

.....
.....

d) **khăng:**

.....
.....

khăn:

.....
.....

Câu 4.

a) Điền vào chỗ trống **tr** hay **ch** ?

cuộn ...òn

...ân thật

chậm ...ẽ

b) Đặt trên chữ in nghiêng **dấu hỏi** hay **dấu ngã** ?

Vừa dài mà lại vừa vuông
Giúp nhau **ke** chỉ, vạch đường **thăng** băng.
(Là cái gì ?)

Tên nghe nặng trĩch
Lòng dạ **thăng** băng
Vành tai thợ mộc nằm ngang
Anh đi học **ve**, **săn** sàng đi theo.

(Là cái gì?)  **LIVEWORKSHEETS**